Mẫu số: **01/TTĐB**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# TỜ KHAI THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT
*(trừ hoạt động sản xuất, pha chế xăng sinh học)*

**[01] Kỳ tính thuế**: Tháng…..năm……/Lần phát sinh ngày … tháng … năm ….

**[02]** Lần đầu: **[03]** Bổ sung lần thứ: .....

**[04] Tên người nộp thuế:** …….....

**[05]** Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

**[06] Tên đại lý thuế (nếu có):** …….....

**[07]** Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

**[08]** Hợp đồng đại lý thuế, số:.....ngày:.....

**[09]** Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính: ……

**[10]** Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:……

**[11]** Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

**[11a]** Phường/xã…… **[11b]** Quận/Huyện ……..…… **[11c]** Tỉnh/Thành phố……..……..……

*Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng tiêu thụ trong kỳ | Doanh thu bán (chưa có thuế GTGT) | Giá tính thuế TTĐB | Thuế suất (%) | Thuế TTĐB được khấu trừ | Thuế TTĐB phải nộp | Bù trừ với thuế TTĐB chưa được khấu trừ của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học (nếu có) | Thuế TTĐB còn phải nộp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9)=(6) x(7)-(8) | (10) | (11) = (9) - (10) |
| **I** | **Hàng hoá chịu thuế TTĐB** | | | | | | | | | |

| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng tiêu thụ trong kỳ | Doanh thu bán (chưa có thuế GTGT) | Giá tính thuế TTĐB | Thuế suất (%) | Thuế TTĐB được khấu trừ | Thuế TTĐB phải nộp | Bù trừ với thuế TTĐB chưa được khấu trừ của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học (nếu có) | Thuế TTĐB còn phải nộp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9)=(6) x(7)-(8) | (10) | (11) = (9) - (10) |
| **1** | **Hàng hóa sản xuất trong nước** | | | | | | | | | |
| | + <Xăng> | | | | | | | | | |
| | + <Rượu>… | | | | | | | | | |
| **2** | **Hàng hóa nhập khẩu bán ra trong nước** | | | | | | | | | |
| | + <Bia>… | | | | | | | | | |
| **II** | **Dịch vụ chịu thuế TTĐB** | | | | | | | | | |
| | + <Massage> | | | | | | | | | |
| | +<Ka-ra-ô-kê>… | | | | | | | | | |
| **III** | **Hàng hoá thuộc trường hợp không phải chịu thuế TTĐB** | | | | | | | | | |
| 1 | Hàng hoá xuất khẩu | | | | | | | | | |
| 2 | Hàng hoá bán để xuất khẩu | | | | | | | | | |
| 3 | Hàng hoá gia công để xuất khẩu | | | | | | | | | |
| | ***Tổng cộng: (I+II+III)*** | | | | | | | | | |

*(TTĐB: tiêu thụ đặc biệt; GTGT: giá trị gia tăng)*

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

*....., ngày .....tháng .....năm .....*

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số: .....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
*(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)*

***Ghi chú:***

*1. Chỉ tiêu [09], [10], [11]: Khai thông tin của đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh có hoạt động sản xuất, gia công hàng hoá chịu thuế TTĐB hoặc cung ứng dịch vụ chịu thuế TTĐB (trừ hoạt động kinh doanh xổ số điện toán) tại địa phương khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đóng trên nhiều huyện do Cục Thuế quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện để kê khai vào chỉ tiêu này. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đóng trên nhiều huyện do Chi cục Thuế khu vực quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện cho huyện do Chi cục Thuế khu vực quản lý để kê khai vào chỉ tiêu này.*

*2. Tổng cộng cột (10) trên Tờ khai 01/TTĐB phải bằng tổng cộng cột (17) trên Tờ khai 02/TTĐB.*

*3. Tổng cộng cột (8) = Tổng cộng cột (13) Bảng I và cột (12) Bảng II trên bảng kê 01-2/TTĐB.*

*4. Nội dung nêu trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ.*

Mẫu số: **02/TTĐB**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# TỜ KHAI THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

*(Áp dụng cho cơ sở sản xuất, pha chế xăng sinh học)*

**[01]** Kỳ tính thuế: Tháng…..năm……/Lần phát sinh ngày … tháng … năm ….

**[02]** Lần đầu: ☒ **[03]** Bổ sung lần thứ:…

**[04] Tên người nộp thuế**:.....

**[05]** Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

**[06] Tên đại lý thuế (nếu có)**:.....

**[07]** Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

**[08]** Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... ngày:.....

**[09]** Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính: ……..…….

**[10]** Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:……..……

**[11]** Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

**[11a]** Phường/xã……..… **[11b]** Quận/Huyện ……..…… **[11c]** Tỉnh/Thành phố…….……

*Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | ĐVT | Số lượng tiêu thụ trong kỳ | Lượng nguyên liệu mua vào của kỳ khai thuế trước liền kề | | | Thuế TTĐB đã nộp của nguyên liệu mua vào | Tỷ lệ xăng khoáng trong xăng sinh học (%) | Thuế TTĐB còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang | Thuế TTĐB đầu vào được khấu trừ tương ứng hàng hóa bán ra | Doanh thu bán (chưa có thuế GTGT) | Giá tính thuế TTĐB | Thuế suất (%) | Thuế TTĐB phải nộp | Thuế TTĐB chưa được khấu trừ trong kỳ | Bù trừ với số thuế TTĐB phải nộp của hàng hóa, dịch vụ khác | Thuế TTĐB của xăng khoáng đề nghị hoàn | Thuế TTĐB của xăng khoáng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tên | Lượng | ĐVT | | | | | | | | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) = (8)/(6)x(9) x(4) | (12) | (13) | (14) | (15)=(13) x(14)-(11) | (16)=(8)+ (10)- (11) >0 | (17) | (18) | (19)=(16)- (17)-(18) |
| | <Xăng sinh học> | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | ***Tổng cộng:*** | | | | | | | | | | | | | | | | | |

*(TTĐB: tiêu thụ đặc biệt; GTGT: giá trị gia tăng)*

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

*....., ngày .....tháng .....năm .....*

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số: .....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
*(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)*

***Ghi chú:***

1. *Trường hợp trong kỳ tính thuế NNT có hoạt động sản xuất kinh doanh khác ngoài xăng sinh học thì kê khai thuế TTĐB đồng thời cả Tờ khai 01/TTĐB.*
2. *Chỉ tiêu [09], [10], [11]: Khai thông tin của đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh có hoạt động sản xuất, pha chế xăng sinh học tại địa phương khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đóng trên nhiều huyện do Cục Thuế quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện để kê khai vào chỉ tiêu này. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đóng trên nhiều huyện do Chi cục Thuế khu vực quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện cho huyện do Chi cục Thuế khu vực quản lý để kê khai vào chỉ tiêu này.*

*3. Tổng cộng cột (17) trên Tờ khai 02/TTĐB phải bằng tổng cộng cột (10) trên Tờ khai 01/TTĐB.*

*4. Nội dung nêu trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ.*